

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/HSPT

Ngày 15 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn, bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 172/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Phan Thị T + 01 bị cáo phạm tội “Chống người thi hành công vụ” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án sơ thẩm khu vực 10).

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Phan Thị T** (*Tên gọi khác: Không*); giới tính: Nữ; Sinh năm 1964, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn E, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk).

Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Trình độ học vấn: 01/10. Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Văn P (đã chết) và con bà Trần Thị N (không rõ năm sinh). Bị cáo có chồng Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/01/2025 cho đến nay. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị N1** (*Tên gọi khác: Không*); giới tính: Nữ; Sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn E, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn E, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk);

Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Trình độ học vấn: 03/12. Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và con bà Phan Thị T, sinh năm 1964. Bị cáo có chồng Dương Văn P1, sinh năm 1982; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/01/2025 cho đến nay. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Huy H - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Huy H. Địa chỉ: D H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Thị T2 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/02/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng ban hành Quyết định thi hành án số 389/QĐ-CCTHADS để Thi hành Bản án số 59/2022/DS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và Bản án số 225/2022/DS-PT ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk “*Buộc bà Hoàng Thị H1 phải trả lại cho bà Phạm Thị V diện tích đất 765m². Đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất bà H1 dài 160m; Phía Tây giáp đất bà V dài 160m; Phía Nam giáp đường liên thôn rộng 4,8m; Phía Bắc giáp đất bà H1 rộng 4,8m. Vị trí lô đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V*”. Sau khi nhận được quyết định thi hành án, bà H1 ủy quyền cho bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T1 (là bố mẹ chồng của bà H1) tham gia giải quyết việc thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 7a Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người phải thi hành án (bà H1) không có quyền ủy quyền cho người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng thông báo cho bà T, ông T1 và bà H1 biết việc bà H1 ủy quyền cho bà T, ông T1 tham gia giải quyết việc thi hành án là không đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận nội dung ủy quyền của bà H1.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng đã nhiều lần triệu tập bà H1 đến làm việc, nhưng bà H1 cố tình vắng mặt không lý do. Do bà H1 vắng mặt tại địa phương nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng giải thích cho những người thân thích của bà H1 biết nội dung Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để các đương sự tự nguyện thi hành án nhưng T không đồng ý và có thái độ chống đối mặc dù T là người không liên quan đến việc thi hành án. Do quá trình tổ chức thi hành án bà H1 vắng mặt không tự nguyện thi hành án, T và một số người thân của bà Hoàng Thị H1 có các hành vi ngăn cản Cơ quan Thi hành án nên ngày 28/10/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng ban hành Quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 11/QĐ-CCTHADS và Kế hoạch về việc cưỡng chế thi hành án số 151/KH-CCTHADS; Thông báo cưỡng chế thi hành án số 152/TB-CCTHADS đúng quy định pháp luật, ấn định thời gian cưỡng chế vào ngày 29/11/2024 với thành phần tham gia cưỡng chế gồm có đại diện các cơ quan: Chi cục Thi hành án dân sự

huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Ủy ban nhân dân xã E, Lực lượng bảo vệ cường chế của Công an huyện K, Công an xã E và những người tham gia khác.

Khoảng 08 giờ 30 ngày 29/11/2024, các thành phần đoàn tham gia cường chế đến địa điểm cường chế theo kế hoạch do ông Trần Thế A – Chấp hành viên thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự huyện K là người chủ trì, Công an huyện K, Công an xã E làm nhiệm vụ bảo vệ đoàn cường chế đã tiến hành kéo dây khoanh vùng khu vực cường chế, đồng thời đặt bảng cảnh báo yêu cầu những người không liên quan đến việc thi hành án thì không được vào khu vực cường chế nhưng Phan Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T2; ông Nguyễn Văn T1, ông Dương Văn P1 cùng trú tại xã D, huyện K không chấp hành, tự ý đi vào khu vực cường chế và có lời lẽ xúc phạm ông Trần Thế A, khi ông Trần Thế A đọc Quyết định cường chế, Thông báo cường chế và các thông tin liên quan thì bị cáo T và các thành viên khác trong gia đình không đồng ý cho cường chế đất. Bị cáo T và ông T1 liên tục chửi bới, xúc phạm đoàn cường chế, T cầm tập giấy tờ trên tay xông đến đòi đánh ông Thế A nhưng bị lực lượng Công an khống chế nên không đánh được. Lúc này, ông Thế A cùng các thành viên trong đoàn cường chế tiếp tục đối thoại, giải thích, vận động nhiều lần nhưng gia đình bị cáo T vẫn không chấp hành, kiên quyết ngăn cản không cho đoàn cường chế thực hiện nhiệm vụ kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, ông Thế A yêu cầu những người không liên quan ra khỏi khu vực cường chế, cho xe máy mức tiến vào phía trước diện tích đất cường chế để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch thì bị cáo N1 chạy đến ôm bánh xe cản trở làm cho xe không di chuyển được nên lực lượng cường chế phải đưa bị cáo N1 ra ngoài. Sau đó, đoàn cường chế đi vào phần đất cường chế thực hiện nhiệm vụ thì bị cáo T cùng bị cáo N1, bị cáo T2 mỗi người cầm một cây cào đứng ở trong diện tích đất cường chế, chửi bới, thách thức không cho ai vào, nếu đi vào sẽ bị T, N1, T2 đánh. Khi ông Thế A cùng đoàn cường chế và Công an tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì ngay lập tức T, N1, T2 cầm cào dơ lên cao đuổi theo tấn công đoàn cường chế làm đoàn cường chế vừa tránh các nhát bõ cào vừa lùi về sau để không bị thương tích nhưng T, N1, T2 vẫn tiếp tục tấn công làm cho công tác cường chế không thực hiện được. Khi T, N1, T2 đi về phía trong vườn và đoàn cường chế tiếp tục cho xe máy mức đi vào thì bị cáo T, bị cáo N1 và bị cáo T2 xông đến cản trở, bị cáo N1 trèo lên gầu xe máy mức nên lực lượng cường chế phải khống chế đưa N1 xuống khỏi xe máy mức để tiếp tục thực hiện cường chế. Quá trình đoàn cường chế tháo dỡ hàng rào thép B40 trên đất, bị cáo N1 cầm cục đá, bị cáo T2 cầm gậy gỗ xông đến ngăn cản nên bị lực lượng cường chế khống chế. Trước thái độ chống đối quyết liệt của các bị cáo, Công an huyện K phải huy động thêm lực lượng để khống chế T, N1, T2 đưa về trụ sở Công an xã E làm việc để đoàn cường chế thực hiện nhiệm vụ. Toàn bộ diễn biến vụ việc được camera ghi âm, ghi hình của Hội đồng cường chế ghi lại.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ:

- 01 cái cào cán bằng tre dài 200cm, bàn cào bằng gỗ rộng ngang 59cm, có 07 răng cào tre, mỗi răng dài 11cm; 01 cái cào cán bằng tre dài 112cm, lưỡi cào có

răng bằng sắt chiều rộng 70cm, có 05 răng cào, mỗi răng dài 15cm, các răng bị cong vênh, cán bị gãy ra khỏi lưỡi cào; 01 cái cào dạng bàn chang cán bằng tre dài 135cm, bàn chang bằng sắt chiều rộng 50cm, cao 19cm; 01 gậy gỗ dài 150cm, cong vênh, đoạn có đường kính lớn nhất là 7,5cm, đoạn có đường kính nhỏ nhất là 4,5cm; 01 cục đá hình trụ tròn đường kính 9cm, dài 25cm, một đầu bằng phẳng, một đầu gồ ghề có vết bẻ.

- 01 USB lưu trữ video, ghi hình lại hành vi chống người thi hành công vụ tại buổi cưỡng chế.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2025/HSST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, đã quyết định:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T2 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Về điều luật và mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/4/2025).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 22/4/2025 các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 đều có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc xin hoãn phiên tòa của các bị cáo là có lý do chính đáng;

Người bào chữa cho các bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử đơn trình bày hoàn cảnh có xác nhận của UBND xã D về việc các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và trình bày lý do các bị cáo vắng mặt tại phiên tòa là do bị ốm, đồng thời xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lý do vắng mặt của các bị cáo tại phiên tòa.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của các bị cáo và có quan điểm như sau:**

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của bị cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm

b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Thị T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, tội danh mà các bị cáo đã bị xét xử, đồng ý với quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo, chấp nhận quan điểm của đại diện viện kiểm sát và đơn kháng cáo của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật nên vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 29/11/2024, trong quá trình đoàn cưỡng chế theo Quyết định thi hành án số 389/QĐ-CCTHADS ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T2 đã liên tục có hành vi dùng lời lẽ chửi bới, xúc phạm, đe dọa đánh, dùng cào tấn công đoàn cưỡng chế, nằm lên xe máy mức với mục đích nhằm cản trở những người thi hành công vụ, không cho họ thực hiện nhiệm vụ bàn giao 765m² đất tọa lạc tại thôn T, xã E do bà Hoàng Thị H1 đang quản lý cho bà Phạm Thị V theo quyết định của Bản án số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và Bản án số 225/2022/DS-PT ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hành vi của các bị cáo chỉ dừng lại khi bị lực lượng công an khống chế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho các bị cáo cung cấp thêm xác nhận các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T 60 tuổi nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mà cần giữ nguyên mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **Phan Thị T 09 (chín) tháng tù** về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang